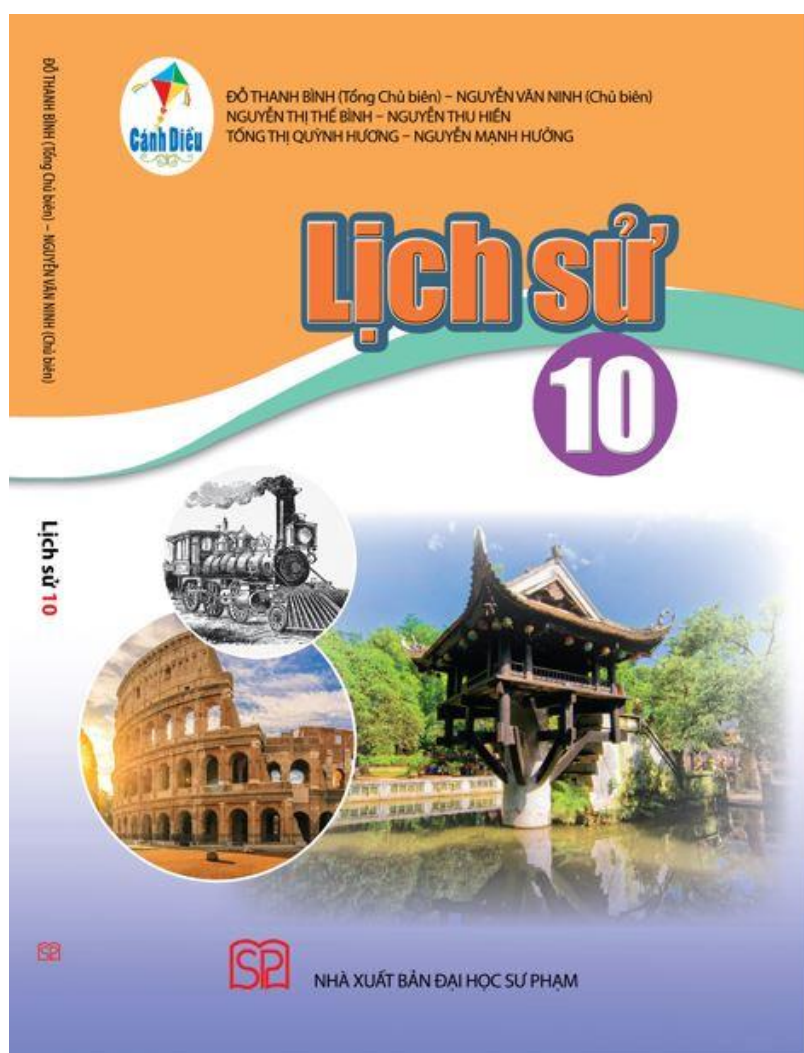


NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT BẢN –
THIẾT BỊ GIÁO DỤC VIỆT NAM

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN
SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ/ CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP 10
CÁNH DIỀU



HÀ NỘI – 2022

PHẦN A.

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

1. Đặc điểm của chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 môn Lịch sử

1.1. Đặc điểm của môn Lịch sử cấp Trung học phổ thông

Môn Lịch sử có sứ mệnh giúp học sinh (HS) hình thành và phát triển năng lực lịch sử, thành phần của năng lực khoa học, đồng thời góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất chủ yếu và năng lực chung được xác định trong Chương trình tổng thể. Môn Lịch sử giữ vai trò chủ đạo trong việc giáo dục lòng yêu nước, tinh thần tự tôn dân tộc, truyền thống lịch sử và văn hoá dân tộc, giúp HS nhận thức và vận dụng được các bài học lịch sử để giải quyết những vấn đề trong thực tế cuộc sống, phát triển tầm nhìn, củng cố các giá trị nhân văn, tinh thần cộng đồng, lòng khoan dung, nhân ái; góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất của công dân Việt Nam, công dân toàn cầu trong xu thế phát triển của thời đại. Môn Lịch sử hình thành, phát triển cho HS tư duy lịch sử, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, kỹ năng khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu, nhận thức và trình bày lịch sử trong logic lịch đại và đồng đại, kết nối quá khứ với hiện tại. Môn Lịch sử giúp HS nhận thức được giá trị khoa học và giá trị thực tiễn của sử học trong đời sống xã hội hiện đại, hiểu biết và có tình yêu đối với lịch sử, văn hoá dân tộc và nhân loại; góp phần định hướng cho HS lựa chọn những nghề nghiệp như: nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, ngoại giao, quản lý, hoạt động du lịch, công nghiệp văn hoá, thông tin truyền thông,... Chương trình môn Lịch sử Trung học phổ thông hệ thống hoá, củng cố kiến thức thông sử ở giai đoạn giáo dục cơ bản, đồng thời giúp HS tìm hiểu sâu hơn các kiến thức lịch sử cốt lõi thông qua các chủ đề, chuyên đề học tập về lịch sử thế giới, lịch sử khu vực Đông Nam Á và lịch sử Việt Nam. Phương pháp dạy học môn Lịch sử được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của sử học và phương pháp giáo dục hiện đại.

1.2. Mục tiêu Chương trình

Chương trình môn Lịch sử giúp học sinh phát triển năng lực lịch sử, biểu hiện của năng lực khoa học đã được hình thành ở cấp trung học phổ thông (THPT); góp phần giáo dục tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, các phẩm chất, năng lực của người công dân Việt Nam, công dân toàn cầu phù hợp với xu thế phát triển của thời đại; giúp học sinh tiếp cận và nhận thức rõ vai trò, đặc điểm của khoa học lịch sử cũng như sự

kết nối giữa sử học với các lĩnh vực khoa học và ngành nghề khác, tạo cơ sở để học sinh định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

1.3. Yêu cầu cần đạt

1.3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Lịch sử góp phần hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại Chương trình tổng thể.

1.3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình môn Lịch sử giúp học sinh phát triển năng lực lịch sử trên nền tảng kiến thức cơ bản và nâng cao về lịch sử thế giới, khu vực và Việt Nam thông qua hệ thống chủ đề, chuyên đề về lịch sử chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, văn minh. Năng lực lịch sử có các thành phần là: tìm hiểu lịch sử; nhận thức và tư duy lịch sử; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

Các thành phần năng lực lịch sử được mô tả chi tiết, cụ thể trong Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2008.

2. Giới thiệu chung về sách giáo khoa Lịch sử/ Chuyên đề học tập Lịch sử 10 – bộ sách Cánh Diều

2.1. Một số thông tin chung

– Sách giáo khoa *Lịch sử/ Chuyên đề học tập Lịch sử 10* – Cánh Diều đã được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông tại Quyết định số 442/QĐ-BGDĐT ngày 28/01/2022.

– Mục đích biên soạn: cung cấp một tài liệu học tập, công cụ học tập chính thức, toàn diện và hiệu quả cho HS, đồng thời là tài liệu cho giáo viên (GV) khai thác để tổ chức các hoạt động dạy học và vận dụng các phương pháp dạy học theo định hướng phát triển PC và NL của HS.

– Đối tượng sử dụng: HS lớp 10, các GV dạy Lịch sử ở cấp THPT, các cán bộ quản lí giáo dục, các phụ huynh HS.

– Phạm vi sử dụng: trong giờ học trên lớp và cả các hoạt động thực hành, vận dụng ngoài giờ lên lớp.

– Tổng số trang: SGK là 136 trang, sách Chuyên đề học tập Lịch sử 10 là 56 trang.

– Khổ sách: 19 x 26,5.

– Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

2.2. Cấu trúc sách giáo khoa Lịch sử 10

Sách có Hướng dẫn sử dụng sách giúp HS nắm được các kí hiệu sử dụng trong sách.

Sách có Lời nói đầu, hướng tới bạn đọc là các em HS.

Sách được cấu trúc thành các Chủ đề, bài, Chuyên đề. Mỗi chủ đề có các bài cụ thể phù hợp với các nội dung đã được xác định trong nội dung Chương trình GDPT năm 2018. Mỗi chủ đề được cấu tạo gồm một số bài học, các bài được thiết kế linh động, có bài 1 tiết và một số bài thiết kế với thời lượng 2 – 3 tiết/ bài. Các chuyên đề được cấu tạo gồm các mục I, II, III, tùy theo từng địa phương mà phân chia số tiết hợp lí. Phần Chủ đề có 7 chương, 17 bài; phần Chuyên đề có 3 chuyên đề.

Ngoài các chương, bài, cuốn sách còn có Bảng giải thích thuật ngữ và Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài.

Bảng giải thích thuật ngữ giúp HS giải thích các thuật ngữ và một số từ khoá quan trọng có trong sách.

Bảng tra cứu địa danh/ tên riêng nước ngoài: Địa danh là một phần quan trọng trong kiến thức cơ bản của Lịch sử. Một vấn đề mà nội dung sách đặt ra là HS phải đọc được các địa danh đó. Để giúp cho HS tiện tra cứu các tài liệu tham khảo khác, bảng tra cứu gồm các cột: tên phiên âm (như trong sách giáo khoa), tên tiếng Anh (như trong các từ điển địa danh, từ điển Wiki) và trang số địa danh xuất hiện.

Mỗi bài học đều có:

– Tên bài gồm số thứ tự và tên bài. Ví dụ: *Bài 1 Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử; Bài 2 Tri thức lịch sử và cuộc sống,*

– Yêu cầu cần đạt (kí hiệu “Học xong bài này, em sẽ...” bám sát với yêu cầu cần đạt của chương trình, theo quan điểm phát triển PC và NL của HS, thiết kế rõ nhìn, bố trí ngay dưới tên bài.

– Mở đầu: (kí hiệu ) phần này có ý nghĩa là để khởi động, được viết khá ngắn gọn, lôi cuốn HS và cũng đa dạng tùy theo bài.

– Kiến thức mới: (kí hiệu ) , bao gồm phần chính văn, nhiều kênh hình, trình bày những nội dung cốt lõi của bài. Các câu hỏi xác định kiến thức cơ bản của nội dung bài học được kí hiệu bằng . Những nội dung mở rộng được đưa vào các ô, hộp, khung phù hợp, đó là:

+ Ô “Em có biết?” (kí hiệu ) , để mở rộng hiểu biết về một hiện tượng, đối tượng lịch sử hoặc địa lí nào đó được nói đến trong bài hoặc liên hệ thực tế.

+ Ô “Góc khám phá” (kí hiệu ) , khám phá tri thức liên quan đến nội dung của bài.

+ Ô “Góc mở rộng” (kí hiệu ) , mở rộng kiến thức của bài học hoặc có thể là các địa chỉ web chính thức.

Phần Kiến thức mới có kênh hình đa dạng, phong phú bên cạnh kênh chữ, bao gồm bản đồ, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, hình ảnh minh hoạ. Các hình đều được đánh số theo bài. Ví dụ, ở bài 3 có các hình 3.1, 3.2, sơ đồ 3.1, 3.2,...

– Luyện tập và vận dụng: Luyện tập (kí hiệu ) và các câu hỏi mức độ Vận dụng (kí hiệu ) : Phần này được đặt ở cuối bài.

3. Giới thiệu về sách giáo khoa/ Chuyên đề Lịch sử 10

3.1. Những điểm mạnh của sách giáo khoa Lịch sử

Thứ nhất: Sách giáo khoa *Lịch sử 10* và sách *Chuyên đề học tập Lịch sử 10* được biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) năm 2018 có những điểm khác với chương trình giáo dục trước đây. Các nội dung và hoạt động học tập trong tất cả các chủ đề/ bài, chuyên đề học tập Lịch sử 10 theo Chương trình GDPT năm 2018 đều được biên soạn, xây dựng theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS. Đó là các năng lực chung: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo; các năng lực đặc thù: tái hiện lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học; các phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực và trách nhiệm.

SGK *Lịch sử 10*, sách *Chuyên đề học tập Lịch sử 10* được lựa chọn và thể hiện những nội dung cơ bản, cốt lõi, đảm bảo tính hệ thống của kiến thức và kỹ năng theo đúng Chương trình GDPT năm 2018. Nội dung của bài học/ chuyên đề học tập vừa có độ mở vừa được tích hợp với nhau tạo điều kiện cho giáo viên (GV) đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học; tạo bối cảnh để HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập.

2. Học tập và khám phá lịch sử suốt đời

2.1. Sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời

Bảng 2.1. Sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời

1	2	3
Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng. Những kiến thức lịch sử ở nhà trường chỉ là một phần nhỏ trong kho tàng tri thức lịch sử của quốc gia, nhân loại. Muốn hiểu đầy đủ và đúng đắn về lịch sử cần có một quá trình lâu dài.	Tri thức về lịch sử biến đổi và phát triển không ngừng, gắn liền với sự xuất hiện của các nguồn sử liệu mới, những quan điểm và nhận thức mới, lĩnh vực nghiên cứu mới... Do vậy, những nhận thức về sự kiện, hiện tượng lịch sử của con người hôm nay rất có thể sẽ thay đổi trong tương lai.	Cùng với tìm hiểu tri thức, việc học tập lịch sử suốt đời sẽ giúp mỗi người mở rộng và cập nhật vốn kiến thức; hoàn thiện và phát triển kỹ năng, xây dựng sự tự tin, thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của xã hội; tạo ra những cơ hội mới trong cuộc sống và nghề nghiệp.



Hình 2.3. Tìm hiểu trang phục truyền thống của các nước ASEAN tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia (2020)

Cuộc thi "Tìm hiểu về ASEAN" nằm trong khuôn khổ dự án của Ủy ban Văn hoá Thông tin ASEAN (COCU), được tổ chức hai năm một lần. Đây là sân chơi dành cho học sinh cấp Trung học phổ thông, nhằm nâng cao sự hiểu biết về đất nước và con người của các nước thành viên ASEAN.

Thứ hai: Nội dung các bài học/chủ đề, chuyên đề học tập được thể hiện qua các hoạt động khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng, đáp ứng quá trình nhận thức của HS, đồng thời tạo hứng thú và khuyến khích HS tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập. Từng bài học có nhiều dạng câu hỏi: câu hỏi khai

thác tranh ảnh, tư liệu; câu hỏi tổng hợp; câu hỏi, bài tập thực hành; câu hỏi liên hệ, vận dụng,... nhằm khơi gợi sự ham thích tìm hiểu, khám phá lịch sử của HS.

 1. Hãy cho biết các hình ảnh dưới đây là biểu hiện của văn hoá hay văn minh. Vì sao?



Hình 5.4. Đồ trang sức thời nguyên thủy



Hình 5.5. Đền Pác-cô-rông (Hy Lạp)

 2. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc, văn minh Đại Việt ở Việt Nam thuộc giai đoạn nào của lịch sử văn minh thế giới? Vì sao?

Các bài tập vận dụng vừa giúp HS hình thành NL tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, vừa liên hệ và vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Thứ ba: SGK Lịch sử/ Chuyên đề học tập lịch sử 10 thể hiện đúng và đầy đủ các nội dung được quy định của môn Lịch sử cấp THPT trong Chương trình GDPT năm 2018. Tất cả các mạch nội dung đều bảo đảm tính cơ bản, khoa học, thiết thực và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Thứ tư: Cấu trúc các tuyến kiến thức thể hiện rõ những nội dung cốt lõi mà HS cần học và các phần mở rộng, vận dụng.

Để tạo thuận lợi cho GV tổ chức hoạt động học tập, các bài học trong phần *Lịch sử/ Chuyên đề học tập Lịch sử 10* được cấu trúc theo hai tuyến: tuyến chính và tuyến phụ. Tuyến chính là các nội dung cốt lõi, đảm bảo để HS đạt được các yêu cầu của từng nội dung giáo dục, được cấu trúc gồm: tên bài học, yêu cầu cần đạt, khởi động, hình thành kiến thức mới, luyện tập và vận dụng. Tuyến phụ là ô “*Em có biết?*”, “*Góc mở rộng*”, “*Góc khám phá*”, nhằm trang bị thêm cho HS nhiều nguồn học liệu liên quan đến bài học, mở rộng và nâng cao kiến thức.

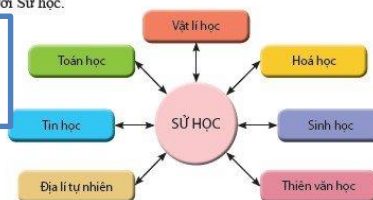
Bài 2 TRI THỨC LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

Tên bài

Học xong bài này, em sẽ:

- ✓ Nêu được vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử đối với đời sống của cá nhân và xã hội hiện đại.
- ✓ Giải thích được sự cần thiết phải học tập lịch sử suốt đời.
- ✓ Biết sưu tầm, thu thập, xử lý thông tin và sử dụng để học tập, khám phá lịch sử.
- ✓ Vận dụng được kiến thức, bài học lịch sử đã học để giải thích những vấn đề thời sự trong nước và thế giới, những vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.
- ✓ Quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam và thế giới.

Yêu cầu cần đạt



Sơ đồ 3.3. Mối liên hệ giữa một số ngành khoa học tự nhiên với Sử học

Các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ có vai trò quan trọng đối với Sử học trong quá trình sưu tầm, tìm kiếm sử liệu, nghiên cứu, tìm hiểu, tái hiện quá khứ. Các lĩnh vực như Vật lý học, Hoá học, Sinh học, Địa lý tự nhiên, Thiên văn học, Toán học, Tin học,... cung cấp dữ liệu rộng lớn và đa dạng cho các nhà sử học. Đó là hệ thống tri thức chuyên ngành, phương pháp nghiên cứu, khái niệm,... Thông qua đó, nhà sử học có thể mô tả, trình bày lịch sử một cách toàn diện, cụ thể và chính xác hơn.



Mở đầu

Đền Hùng (10-3 âm lịch) là nơi tưởng niệm công ơn các vị vua anh hùng và đoàn kết hướng về cội nguồn của dân tộc Việt Nam. Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã trở thành nét đặc sắc trong văn hoá truyền thống của người Việt Nam, đồng thời cũng là biểu hiện của tri thức lịch sử.

Vậy tri thức lịch sử có vai trò, ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống của mỗi cá nhân và xã hội? Vì sao chúng ta cần phải học tập và khám phá lịch sử?



Hình 2.1. Lễ hội Đền Hùng (Phủ Thọ)



Kiến thức mới

1. Vai trò và ý nghĩa của tri thức lịch sử

Tri thức lịch sử là những hiểu biết của con người về các lĩnh vực liên quan đến sử, thông qua quá trình học tập, khám phá, nghiên cứu và trải nghiệm. Tri thức lịch sử có vai trò quan trọng đối với mỗi cá nhân và toàn xã hội.



Sơ đồ 2.1. Vai trò của tri thức lịch sử

Góc mở rộng

Địa lý tự nhiên cung cấp những dữ liệu để các nhà sử học nghiên cứu về lịch sử khu vực, vùng miền hoặc các sự kiện, hiện tượng lịch sử gắn với địa hình, khí hậu, thổ nhưỡng, tài nguyên... Thiên văn học cung cấp những tri thức cơ bản để nhà sử học khám phá về quá trình làm ra lịch và cách tính thời gian của con người trong lịch sử.

Toán học với các phương pháp phân tích định lượng, thống kê, chọn mẫu... được nhà sử học sử dụng khi xử lý số liệu, làm cơ sở cho các nhận xét, kết luận...

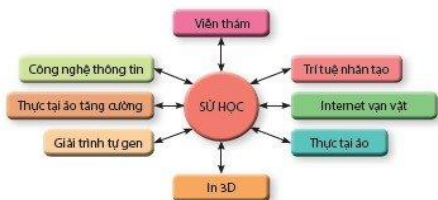
Góc khám

Năm 2020, thông qua công nghệ viễn thám, các nhà khoa học đã phát hiện một cấu trúc rộng lớn ở vùng Guyết-sơ (Anh), cách di chỉ cự thạch Sô-tôn-hen-giơ 3 km. Di chỉ này có niên đại khoảng 4.500 năm trước, là cấu trúc tiền sử lớn nhất được tìm thấy ở Anh.



Hình 3.6. Dấu tích cấu trúc tiền sử tại Guyết-sơ (Anh)

Các lĩnh vực công nghệ thông tin, viễn thám, hệ thống thông tin địa lý (GIS), trí tuệ nhân tạo, internet vạn vật, thực tại ảo,... hỗ trợ các nhà sử học một cách hiệu quả trong quá trình thu thập và xử lý sử liệu, trình bày và tái hiện quá khứ. Công nghệ và kỹ thuật hiện đại giúp Sử học có thể thực hiện được những dự án, nhiệm vụ nan giải trước đây, như tìm dấu vết của các nền văn minh cổ xưa, tái hiện không gian lịch sử, tái tạo hiện vật lịch sử, đo đạc và thiết lập bản đồ di tích trên quy mô lớn, nghiên cứu về nguồn gốc nhân chủng thông qua y – sinh học, giải trình tự gen,...



Sơ đồ 3.4. Mối liên hệ giữa một số lĩnh vực công nghệ với Sử học



Hình 3.7. Ứng dụng công nghệ tương tác 3D trong giới thiệu, trưng bày chủ đề "Lịch sử Việt Nam thời tiền sử" (Bảo tàng Lịch sử Quốc gia)

Đọc thông tin và quan sát các sơ đồ 3.3, 3.4, các hình 3.6, 3.7, hãy nêu vai trò của các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ đối với Sử học. Lấy ví dụ và phân tích.

Câu hỏi



1. Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy làm sáng tỏ nhận định: Sử học là ngành khoa học có mối quan hệ với nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác nhau.



2. Trình bày mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn. Lấy ví dụ phân tích về mối liên hệ đó.



3. Em đã khai thác và sử dụng công nghệ thông tin để học tập lịch sử và các môn học khác như thế nào?

Luyện tập và vận dụng

Thứ năm: Sự hài hoà giữa kênh chữ và kênh hình. Kênh chữ ngắn gọn, súc tích; kênh hình phong phú, hấp dẫn, khoa học. Các kênh hình đều là nguồn kiến thức chứ không chỉ mang tính minh hoạ.

Bài 4 SỬ HỌC VỚI MỘT SỐ LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ HIỆN ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

- ✓ Phân tích được mối quan hệ giữa Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.
- ✓ Phân tích được vai trò của Sử học đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực Công nghiệp văn hoá; tác động của sự phát triển các ngành nghề thuộc lĩnh vực Công nghiệp văn hoá đối với việc quảng bá lịch sử, văn hoá của dân tộc và nhân loại.
- ✓ Giải thích được vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch; tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, văn hoá.
- ✓ Vận động các bạn và mọi người cùng tham gia bảo vệ các di sản văn hoá, di sản thiên nhiên ở địa phương.

Ngày 3-11-2020, Tổ chức Giải thưởng Du lịch Thế giới (WTA) công bố Giải thưởng Du lịch Thế giới lần thứ 27 khu vực châu Á. Theo đó, Việt Nam đã giành được chiến thắng trong cuộc bình chọn ba hạng mục và trở thành “Điểm đến hàng đầu châu Á về di sản, ẩm thực và văn hoá”.

Hình 4.1. Một góc Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh)

Vậy Sử học có những đóng góp gì vào sự kiện trên? Sử học có vai trò như thế nào trong công tác bảo tồn, phát huy những giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên? Sử học có mối quan hệ như thế nào đối với một số ngành, nghề trong lĩnh vực Công nghiệp văn hoá?

1. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên

Di sản văn hoá và di sản thiên nhiên là một bộ phận của lịch sử, được lưu giữ trong hiện tại. Sử học và di sản văn hoá, di sản thiên nhiên có mối quan hệ gắn bó mật thiết.

Thứ nhất, các loại hình di sản văn hoá (vật thể, phi vật thể, hỗn hợp...) đều đóng vai trò là nguồn tư liệu quan trọng đặc biệt đối với nghiên cứu lịch sử. Việc bảo tồn di sản theo dạng thức vốn có là cơ sở để nhà sử học có thể miêu tả, trình bày lịch sử quá khứ một cách chính xác.



Hình 4.4. Du khách tham quan Phố cổ Hội An (Quảng Nam)



Hình 4.5. Bữa tiệc áo dài – di sản văn hoá Việt Nam

Là nguồn di sản, tài nguyên quý giá để phát triển ngành Du lịch, đem lại những nguồn lợi lớn.

Cung cấp tri thức lịch sử, văn hoá để hỗ trợ quảng bá, thúc đẩy ngành Du lịch phát triển bền vững.

Cung cấp bài học kinh nghiệm, hình thành ý tưởng để lên kế hoạch, xây dựng chiến lược phát triển ngành Du lịch...

Sơ đồ 4.1. Vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch

Sự phát triển của du lịch sẽ góp phần mang lại nhiều nguồn lợi: tạo ra việc làm cho người lao động; mang lại nguồn lực cho phát triển kinh tế – xã hội; thúc đẩy quá trình hội nhập và giao lưu quốc tế; quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng ra bên ngoài...

Lâu đài Hạc Tểng Hime-gi (Phật Bà) được xây dựng lần đầu năm 1333, nâng cấp năm 1346 và hoàn thiện năm 1618. Tường của lâu đài được làm bằng gỗ và phủ một lớp thạch cao trắng để chống cháy, nên gọi là lâu đài Hạc Tểng. Lâu đài chứa đựng nhiều nét văn hoá đặc sắc và lịch sử truyền thống của Nhật Bản, trở thành địa điểm tham quan nổi tiếng của người dân Nhật Bản và du khách quốc tế.

Năm 1993, UNESCO đã ghi danh lâu đài Hime-gi là Di sản Thế giới. Người Nhật luôn tự hào và coi đây là “quốc bảo”. Mùa thu và mùa xuân là thời điểm đẹp nhất để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của lâu đài gần 700 tuổi này.

Hình 4.6. Lâu đài Hạc Tểng Hime-gi (Phật Bà)

3.2. Cấu trúc nội dung chương trình Lịch sử 10 và các chủ đề/ bài, chuyên đề trong SGK Lịch sử 10 bộ sách Cánh Diều

PHẦN CHỦ ĐỀ		
Nội dung chương trình	Nội dung chương trình	Số tiết
LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC	Chủ đề 1: LỊCH SỬ VÀ SỬ HỌC	7
– Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử	Bài 1: Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử	3
– Tri thức lịch sử và cuộc sống	Bài 2: Tri thức lịch sử và cuộc sống	3
– Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 1	1
VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	Chủ đề 2: VAI TRÒ CỦA SỬ HỌC	6
– Sử học với các lĩnh vực khoa học khác	Bài 3: Sử học với các lĩnh vực khoa học khác	3
– Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại	Bài 4: Sử học với một số lĩnh vực, ngành nghề hiện đại	2
– Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 2	1

MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI	Chủ đề 3: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH THẾ GIỚI THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI	10
– Khái niệm văn minh thế giới	Bài 5: Khái niệm văn minh	1
– Một số nền văn minh phương Đông	Bài 6: Một số nền văn minh phương Đông	3
– Một số nền văn minh phương Tây	Bài 7: Một số nền văn minh phương Tây	3
– Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 3	3
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI	Chủ đề 4: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP TRONG LỊCH SỬ THẾ GIỚI	10
– Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại	Bài 8: Cách mạng công nghiệp thời kì cận đại	3
– Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại	Bài 9: Cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại	4
– Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 4	3
VĂN MINH ĐÔNG NAM Á	Chủ đề 5: VĂN MINH ĐÔNG NAM Á	7
– Cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á	Bài 10: Cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại	2
– Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á	Bài 11: Hành trình phát triển và thành tựu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại	3
– Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 4	2
MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	Chủ đề 6: MỘT SỐ NỀN VĂN MINH TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM (TRƯỚC NĂM 1858)	14
– Một số nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam	Bài 12. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc	3

– Văn minh Đại Việt	Bài 13. Văn minh Chăm-pa, văn minh Phù Nam	3
	Bài 14. Cơ sở hình thành và quá trình phát triển của văn minh Đại Việt	3
	Bài 15. Một số thành tựu của văn minh Đại Việt	3
– Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 6	2
CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM	9
– Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	Bài 16: Các dân tộc trên đất nước Việt Nam	4
– Khái quát về đời sống vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam		
– Khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam	Bài 17: Khôi đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam	3
– Thực hành	Nội dung thực hành chủ đề 7	2
Ôn tập, kiểm tra, đánh giá		7
Tổng		70
PHẦN CHUYÊN ĐỀ		
Chuyên đề 10.1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC	Chuyên đề 1: CÁC LĨNH VỰC CỦA SỬ HỌC	9
– Thông sử và Lịch sử theo lĩnh vực	I. Thông sử và lịch sử theo lĩnh vực	
– Lịch sử theo lĩnh vực		
– Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam	II. Một số lĩnh vực của lịch sử Việt Nam	
– Thực hành	Nội dung thực hành chuyên đề 1	
Chuyên đề 10.2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM	Chuyên đề 2: BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HOÁ Ở VIỆT NAM	14
– Di sản văn hoá	I. Di sản văn hoá	

– Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá – Một số di sản văn hoá tiêu biểu của dân tộc Việt Nam – Thực hành	II. Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá III. Di sản văn hoá tiêu biểu ở Việt Nam Nội dung thực hành chuyên đề 2	
Chuyên đề 10.3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM TRONG LỊCH SỬ	Chuyên đề 3: NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	9
– Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858) – Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 – 1976) – Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay – Một số bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1946 đến nay – Thực hành	I. Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858) II. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (1945 – 1976) III. Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam từ năm 1976 đến nay IV. Một số bản hiến pháp của Việt Nam từ năm 1946 đến nay Nội dung thực hành chuyên đề 3	
Ôn tập, kiểm tra, đánh giá		3
Tổng		35

3.3. Yêu cầu về phương pháp dạy học môn Lịch sử

3.3.1. Yêu cầu về phương pháp dạy học Lịch sử

a) Nội dung dạy học, giáo dục phải đảm bảo tính cơ bản, thiết thực, hiện đại

Nội dung dạy học bao gồm các nội dung chính, chủ yếu, tập trung vào các nội dung mang tính bản chất của sự vật, hiện tượng. Nội dung dạy học, giáo dục đảm bảo tính thiết thực phù hợp với những yêu cầu, đòi hỏi của thực tế. Ngoài ra, phải đảm bảo tính hiện đại, nội dung phải mới, tiên tiến, áp dụng được những thành tựu của khoa học, kĩ thuật trong các lĩnh vực của đời sống.

Dạy học phát triển PC, NL đặt ra yêu cầu cốt lõi là tập trung vào những gì HS cần có (kiến thức, kĩ năng, niềm tin,...) để từ đó HS có thể “làm” được những việc cụ thể, hữu ích hơn là tập trung vào những gì mà HS biết hoặc không biết. Vì vậy, các nội dung dạy học cần được chất lọc, lựa chọn sao cho thật gọn, đắt.

Nội dung kiến thức thiết thực, hiện đại cùng với phương pháp tư duy và học tập tích cực chính là nhằm tạo cơ hội giúp HS rèn luyện kỹ năng, từng bước hình thành, phát triển NL giải quyết các tình huống và vấn đề thực tiễn; từ đó có cơ hội hoà nhập, hội nhập quốc tế để cùng tồn tại, phát triển,... Đây cũng chính là ý nghĩa quan trọng, bởi nội dung dạy học mà HS được học sẽ vận dụng thích ứng với bối cảnh hiện đại và không ngừng đổi mới.

b) Đảm bảo tính tích cực của người học khi tham gia vào hoạt động học tập

Tính tích cực của HS được biểu hiện thông qua sự hứng thú, tự giác học tập, niềm yêu thích tìm hiểu, sự nỗ lực chiếm lĩnh nội dung học tập. Đây là một nguyên tắc quan trọng trong dạy học phát triển PC, NL.

NL chỉ hình thành khi kiến thức, kỹ năng được chuyển hoá thành hoạt động của một chủ thể nhất định. Do đó, trong dạy học, GV cần tổ chức các hoạt động học tập để HS tích cực, chủ động huy động kiến thức, kỹ năng hoàn thành nhiệm vụ học tập hoặc giải quyết những tình huống trong thực tiễn. Mỗi HS có NL khác nhau tùy vào các hoạt động học ở mức độ nào. Điều này phản ánh rằng cùng một môi trường học tập, những cá nhân khác nhau sẽ có NL khác nhau. Như vậy, trong dạy học, giáo dục phát triển PC, NL của HS, tính tích cực của HS là một trong những biểu hiện và cũng là kết quả cần đảm bảo khi tổ chức hoạt động học tập.

c) Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS

Tăng cường những hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS chính là việc tổ chức thường xuyên, đầu tư hơn về chất lượng những hoạt động thực hành. Thực hành là hoạt động áp dụng lí thuyết vào thực tế để hình thành kỹ năng ở HS – thành phần quan trọng của NL. Thực hành là cơ sở để hình thành NL. Trải nghiệm là hoạt động tổ chức cho HS được quan sát, làm thử, giả định trong tư duy (dựa trên đặc trưng của thực nghiệm), sau đó, người học phân tích, suy ngẫm, chiêm nghiệm về việc quan sát và kết quả của nó.

Tăng cường hoạt động thực hành, trải nghiệm cho HS là một nguyên tắc không thể thiếu của dạy học, giáo dục phát triển PC, NL đòi hỏi từng môn học, hoạt động giáo dục phải khai thác, thực hiện một cách cụ thể, có đầu tư.

d) Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp

Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp chính là việc tổ chức nhiều hơn về số lượng, đầu tư hơn về chất lượng những nhiệm vụ học tập đòi hỏi HS phải tìm hiểu,

tổng hợp kiến thức, kĩ năng,... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết. Tăng cường dạy học, giáo dục tích hợp giúp người học phát triển được những NL cần thiết, nhất là NL giải quyết vấn đề dựa trên hiểu biết, kinh nghiệm và khả năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau. Bên cạnh đó, dạy học, giáo dục tích hợp còn kết nối, tạo ra mối quan hệ giữa các môn học với nhau và với thực tiễn, tránh trùng lặp về nội dung.

Thông qua dạy học tích hợp, HS được rèn luyện khả năng tìm hiểu và vận dụng những kiến thức từ nhiều lĩnh vực một cách phù hợp để giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra trong bài học, chủ đề.

e) Tăng cường dạy học, giáo dục phân hoá

Tăng cường dạy học, giáo dục phân hoá chính là việc tổ chức thường xuyên và đầu tư hơn việc phân loại và chia tách các đối tượng HS, từ đó, vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức sao cho phù hợp với đối tượng ấy nhằm đạt hiệu quả cao. Dạy học, giáo dục phân hoá đòi hỏi chương trình dạy học phải xây dựng được các môn học, chủ đề khác nhau để HS tự chọn phù hợp với nguyện vọng của HS và khả năng tổ chức của nhà trường.

Dạy học, giáo dục phân hoá là quá trình dạy học nhằm đảm bảo cho mỗi HS phát triển tối đa NL, sở trường, phù hợp với các yếu tố cá nhân, trong đó HS được tạo điều kiện để lựa chọn nội dung, độ khó, hình thức, nhịp độ học tập phù hợp với bản thân.

f) Kiểm tra, đánh giá theo NL, PC là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển PC, NL

Kiểm tra, đánh giá theo NL chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong những tình huống cụ thể. Đánh giá kết quả học tập đối với các môn học và hoạt động giáo dục ở mỗi lớp và sau cấp học là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Với sự thay đổi về mục tiêu của Chương trình GDPT năm 2018, rõ ràng kiểm tra, đánh giá theo NL là điều kiện tiên quyết trong dạy học phát triển phẩm chất, NL. Bên cạnh mục tiêu đánh giá là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình, cần chú trọng mục tiêu đánh giá sự tiến bộ của HS. Đây là cơ sở để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng HS và nâng cao chất lượng giáo dục. Vì vậy, GV cần đánh giá

thường xuyên trong quá trình dạy học để xác định mức độ tiến bộ về NL của HS. Các thông tin về NL của HS được thu thập trong suốt quá trình học tập thông qua một loạt các phương pháp khác nhau: đặt câu hỏi; đối thoại trên lớp; phản hồi thường xuyên; tự đánh giá và đánh giá giữa các HS với nhau; giám sát sự phát triển qua sử dụng bảng danh sách các hành vi cụ thể của từng thành tố NL; đánh giá tình huống; đánh giá qua dự án, hồ sơ học tập,...

3.3.2. Hướng dẫn tổ chức các hoạt động học tập của HS

a) GV cần tổ chức chuỗi hoạt động học để HS chủ động khám phá những điều chưa biết

Trong dạy học và giáo dục phát triển PC, NL, yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động học để HS tích cực chủ động tham gia và thực hiện các nhiệm vụ học tập, từ đó tìm hiểu các kiến thức, kỹ năng mới, vừa học hỏi được phương pháp để hình thành kiến thức, kỹ năng đó. Các nhiệm vụ học tập có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà, không gói gọn trong phạm vi một tiết học. Để hướng đến mục tiêu phát triển PC và NL đã đặt ra trong bài học, ở mỗi hoạt động học cần xác định rõ các yếu tố: mục tiêu hoạt động, nội dung hoạt động, sản phẩm học tập của HS, cách thức tiến hành, phương án kiểm tra đánh giá mức độ mà HS đạt được mục tiêu do GV đã đề ra. Trong quá trình tổ chức các hoạt động học, GV cần theo dõi, có những phương án hỗ trợ HS khi cần thiết.

Công văn số 5555/BGDĐT-GDTrH về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn về đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) và kiểm tra, đánh giá; Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH về xây dựng kế hoạch dạy học tổ chức và quản lý các hoạt động chuyên môn của trường trung học/trung tâm giáo dục thường xuyên qua mạng đã nêu rõ quá trình dạy học mỗi chuyên đề cần được thiết kế thành các hoạt động học của HS dưới dạng các nhiệm vụ học tập kế tiếp nhau, có thể được thực hiện trên lớp hoặc ở nhà. HS tích cực, chủ động và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Phân tích hoạt động dạy học của GV cần tuân thủ quan điểm phân tích hiệu quả hoạt động học của HS, đồng thời đánh giá việc tổ chức, kiểm tra, định hướng hoạt động học cho HS của GV. Chuỗi hoạt động được thể hiện như sau:

Thứ nhất: GV phải xác định được rõ các **mục tiêu bài học**.

Mục tiêu của bài học còn gọi là yêu cầu cần đạt của bài học, là kết quả mong đợi của bài học. HS phải đạt được những gì về kiến thức, kĩ năng, thái độ và năng lực có thể hình thành và phát triển cho HS sau mỗi bài học. Xác định yêu cầu cần đạt/ mục tiêu bài học chính là xác định “đầu ra” của quá trình dạy học. Mục tiêu của bài học chính là “kim chỉ nam” định hướng cho việc tổ chức các hoạt động học tập cho HS. Từ những yêu cầu cần đạt này, GV có thể dễ dàng xác định xem bài học này góp phần phát triển cho HS những PC và NL nào.

Trong phần Lịch sử/ Chuyên đề học tập Lịch sử 10, yêu cầu cần đạt về nội dung giáo dục liên quan đến bài học đã được thể hiện ở phần đầu của mỗi bài học. Các yêu cầu này là các yêu cầu đã được quy định trong Chương trình GDPT năm 2018 môn Lịch sử. Do vậy, GV có thể dựa vào đây để xác định mục tiêu của bài học, để định hướng các hoạt động cần tổ chức cho HS khi tìm hiểu về nội dung giáo dục đó.

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu ở *Bài 1. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử*, GV cần tổ chức cho HS đạt được các yêu cầu cần đạt sau và đây cũng chính là mục tiêu của bài học.

Các yêu cầu cần đạt của nội dung giáo dục trong bài 1

Bài 1 HIỆN THỰC LỊCH SỬ VÀ NHẬN THỨC LỊCH SỬ

Học xong bài này, em sẽ:

- ✓ Trình bày được khái niệm lịch sử và phân biệt được hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử. Giải thích được khái niệm Sử học.
- ✓ Trình bày được đối tượng nghiên cứu của Sử học. Nêu được chức năng, nhiệm vụ của Sử học và ý nghĩa của một số nguyên tắc cơ bản của Sử học.
- ✓ Phân biệt được các nguồn sử liệu: lời nói – truyền khẩu, thành văn, hiện vật,...
- ✓ Nêu được một số phương pháp cơ bản của Sử học và bước đầu vận dụng được một số phương pháp cơ bản của Sử học thông qua các bài tập cụ thể.

Việc đưa yêu cầu cần đạt vào trong các bài học Lịch sử/ Chuyên đề học tập 10 là một trong những điểm mới của SGK Lịch sử 10. Thông qua các yêu cầu này, GV có thể xác định được mục tiêu của bài học, đích cần đến của HS để từ đó tìm cách tổ chức hoạt động học tập cho HS phù hợp.

Thứ hai: Hoạt động mở bài

– *Mục đích*: Tạo tâm thế học tập cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới. GV sẽ tạo tình huống học tập dựa trên việc huy động kiến thức, kinh nghiệm của bản thân HS có liên quan đến vấn đề xuất hiện trong SGK, các tài liệu học tập; làm bộc lộ “cái” HS đã biết, bổ khuyết những gì cá nhân HS còn thiếu, giúp HS nhận ra “cái” chưa biết và muốn biết thông qua hoạt động này.

– *Phương thức thực hiện*: Thông qua các câu hỏi/ tình huống có vấn đề để HS huy động kiến thức, kĩ năng có liên quan, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi gợi mở hoặc đưa ra ý kiến nhận xét về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiến thức sẽ học trong chủ đề bài học (bản thảo, dự đoán tình huống sẽ xảy ra, dự đoán câu trả lời,...).

– *Sản phẩm*: Các câu hỏi nhận thức, dự đoán, giả sử/ giả thuyết liên quan đến chủ đề bài học mới, dự kiến kế hoạch học tập tiếp theo của HS. Các sản phẩm này chỉ được hình thành thông qua hoạt động học tập trên lớp của HS theo hướng dẫn của GV.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này*:

+ Tình huống/ câu hỏi/ lệnh xuất phát nhằm huy động kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm sẵn có nào đó của HS (HS đã học kiến thức/ kĩ năng đó khi nào?).

+ Vận dụng kiến thức/ kĩ năng/ kinh nghiệm đã có đó thì HS có thể trả lời câu hỏi/ thực hiện lệnh đã nêu đến mức độ nào? Dự kiến các câu trả lời/ sản phẩm học tập mà HS có thể hoàn thành.

+ Để hoàn thiện câu trả lời/ sản phẩm học tập nói trên, HS cần vận dụng kiến thức/ kĩ năng mới nào sẽ học ở phần tiếp theo trong hoạt động hình thành kiến thức (có thể không phải là toàn bộ kiến thức/ kĩ năng mới trong bài).

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu nội dung bài 1 “*Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử*”, GV có thể sử dụng một trong các cách sau để tạo ra tình huống xuất phát cho HS.

Phương án 1: GV có thể sử dụng phần mở bài trong SGK.

Phương án 2: chọn lọc một số hình ảnh/ video clip ghi lại sự kiện Mỹ ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản (8-1945), yêu cầu HS phát biểu ý kiến đó là hiện thực lịch sử hay nhận thức lịch sử, kết nối vào bài học mới.

*** Thứ ba: Hoạt động hình thành kiến thức mới**

– *Mục đích*: Hoạt động này giúp cho HS khám phá, hình thành kiến thức, phát triển kĩ năng mới theo yêu cầu cần đạt của bài. Trong dạy học Lịch sử/ Chuyên đề học

tập 10 ở nhà trường THPT hoạt động và các nhiệm vụ học tập của HS chủ yếu là các hoạt động tìm hiểu về Lịch sử và Sử học; Vai trò của Sử học; Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ-trung đại; Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới; Văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại; Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858); Cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Chuyên đề: Các lĩnh vực của sử học; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam; Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.

– *Phương thức thực hiện*: GV xác định các hoạt động học tập cần tổ chức cho HS để đạt được mục tiêu/ yêu cầu cần đạt của bài học. Sau đó, GV vận dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học để tổ chức cho HS thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức mới và rèn luyện kỹ năng trong học tập lịch sử.

– *Sản phẩm học tập*: Kiến thức cơ bản, cốt lõi về Lịch sử và Sử học; Vai trò của Sử học; Một số nền văn minh thế giới thời kì cổ-trung đại; Các cuộc cách mạng công nghiệp trong lịch sử thế giới; Văn minh Đông Nam Á thời kì cổ-trung đại; Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam (trước năm 1858); Cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Chuyên đề: Các lĩnh vực của sử học; Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá ở Việt Nam; Nhà nước và pháp luật Việt Nam trong lịch sử.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này*:

+ Kiến thức, kỹ năng mới mà HS phải khám phá và chiếm lĩnh được của bài học là gì?

+ HS sẽ khám phá, chiếm lĩnh các kiến thức, kỹ năng đó bằng cách nào?

Ví dụ: Để tổ chức cho HS tìm hiểu về “*Bài 1. Hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử*”, GV có thể thiết kế các nhiệm vụ học tập cho HS như sau:

Yêu cầu cần đạt	Hoạt động hình thành kiến thức mới	Nhiệm vụ học tập của HS
Yêu cầu 1: Trình bày được khái niệm lịch sử và phân biệt được hiện thực lịch sử, nhận thức lịch sử. Giải thích được khái niệm Sử học.	Hoạt động 1: Tìm hiểu về lịch sử, hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử	Đọc thông tin và quan sát các hình 1.1, 1.2, hãy: – Trình bày khái niệm lịch sử. Phân biệt hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử. – Giải thích khái niệm Sử học.

Yêu cầu 1: Trình bày được đối tượng nghiên cứu của Sử học. Nêu được chức năng, nhiệm vụ của Sử học và ý nghĩa của một số nguyên tắc cơ bản của Sử học.	Hoạt động 2: Tìm hiểu về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và nguyên tắc cơ bản của Sử học	Nhiệm vụ 1: Đọc thông tin, tư liệu và quan sát các hình 1.3, 1.4, hãy trình bày đối tượng nghiên cứu của Sử học. Cho ví dụ cụ thể. Nhiệm vụ 2: Đọc thông tin, tư liệu và quan sát sơ đồ 1.1, hãy: Nêu chức năng và nhiệm vụ của Sử học. Cho ví dụ cụ thể. Nhiệm vụ 3: Đọc thông tin, tư liệu và quan sát bảng 1.2, hãy: – Nêu ý nghĩa các nguyên tắc cơ bản của Sử học. – Cho biết câu chuyện “Thôi Trữ giết vua” phản ánh nguyên tắc nào của Sử học. Ý nghĩa của câu chuyện là gì?
--	---	---

*** Thứ tư: Hoạt động luyện tập, vận dụng**

– *Mục đích:* Hoạt động này nhằm giúp HS hệ thống kiến thức, vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học, đồng thời, đánh giá xem HS có đạt được mục tiêu bài học hay không.

– *Phương thức thực hiện:* GV tổ chức cho HS luyện tập, vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học. Ở hoạt động này, HS có thể hoạt động cá nhân hoặc hoạt động nhóm.

– *Sản phẩm:* Lời giải và kết quả giải các câu hỏi, bài tập/ tình huống.

– *Câu hỏi cần giải quyết cho hoạt động này:*

+ HS sẽ làm gì để vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào giải quyết các bài tập/ tình huống cụ thể liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

+ Xây dựng và sử dụng những câu hỏi và bài tập nào để tạo cơ hội cho HS vận

dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết những nội dung liên quan đến nội dung bài học, các yêu cầu cần đạt của bài học?

Lưu ý: trong hoạt động và vận dụng, GV tập trung giải quyết các câu hỏi, bài tập trong SGK. Tuy nhiên, GV cũng có thể mở rộng những câu hỏi, bài tập ngoài SGK cho phù hợp với đối tượng HS.

b) GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, kiến thức dạy học và giáo dục phát triển PC, NL phù hợp

GV cần đầu tư vào việc lựa chọn các phương pháp, kiến thức dạy học (KTDH) và giáo dục biểu hiện ở việc GV tập trung, bỏ nhiều sức lực, thời gian, suy nghĩ,... phù hợp nhằm đạt được mục tiêu dạy học một cách tối ưu.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải hiểu, vận dụng hệ thống các phương pháp, KTDH, đặc biệt là các phương pháp, KTDH có ưu thế trong việc phát huy PC, NL người học; có thể phân tích, so sánh được ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp để lựa chọn PPDH phù hợp với mục tiêu của từng hoạt động, tạo ra chuỗi hoạt động có sự phối hợp hiệu quả giữa các phương pháp.

c) GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, nghiên cứu

GV chú trọng rèn luyện cho HS phương pháp học tập, hướng dẫn HS kiên trì luyện tập để hình thành phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, phù hợp với đặc thù của từng môn học, hoạt động giáo dục, góp phần tạo ra sự phát triển NL tự chủ và tự học. Tự học là một xu thế tất yếu, bởi vì quá trình giáo dục thực chất là quá trình biến người học từ khách thể giáo dục thành chủ thể giáo dục (tự giáo dục). Tự học là mục tiêu cơ bản của quá trình dạy học. Bồi dưỡng NL tự học là phương cách tốt nhất tạo ra động lực mạnh mẽ cho quá trình học tập. Tự học giúp cho HS có thể chủ động học tập suốt đời, học tập để khẳng định phẩm chất, NL và đề cống hiến.

d) GV tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác

Đó là việc kết hợp giữa hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm, phát huy nỗ lực của chính cá nhân trong hoạt động nhóm. Điều này giúp HS có điều kiện để hình thành, phát triển cả về NL tự chủ và tự học lẫn NL giao tiếp và hợp tác.

Yêu cầu này đòi hỏi GV phải có khả năng khuyến khích HS cố gắng tự lực, vừa độc lập, vừa hợp tác chặt chẽ với nhau trong quá trình tiếp cận, phát hiện và tìm tòi cái mới. Lớp học trở thành môi trường giao tiếp GV – HS và HS – HS nhằm

vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các nhiệm vụ học tập chung.

3.3.3. Vấn đề đánh giá kết quả học tập của HS

a) Định hướng đánh giá kết quả giáo dục trong dạy học môn Lịch sử Chương trình GDPT năm 2018

Mục đích đánh giá kết quả giáo dục lịch sử là xác định mức độ đáp ứng của học sinh đối với yêu cầu cần đạt về kiến thức và năng lực lịch sử ở từng chủ đề, từng lớp học, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy – học nhằm đạt được mục tiêu của chương trình. Hoạt động đánh giá phải khuyến khích được sự say mê học tập, tìm hiểu, khám phá các vấn đề lịch sử của học sinh; giúp học sinh có thêm sự tự tin, chủ động sáng tạo trong học tập.

Nội dung đánh giá cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức lịch sử đã học trong những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử, thuộc lòng và ghi nhớ máy móc làm trọng tâm. Thông qua đánh giá, giáo viên có thể nắm được tình hình học tập, mức độ phân hoá về trình độ học lực của học sinh trong lớp, từ đó có biện pháp giúp đỡ học sinh chưa đạt yêu cầu về kiến thức, năng lực, phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về lịch sử, đồng thời điều chỉnh, hoàn thiện phương pháp giáo dục lịch sử.

Về hình thức đánh giá, cần kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của GV và tự đánh giá của HS ; kết hợp kiểm tra miệng, kiểm tra viết, bài tập thực hành, dự án nghiên cứu; kết hợp đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan và tự luận.

Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên (ĐGTX), đánh giá định kì (ĐGĐK), trên cơ sở đó tổng hợp việc đánh giá chung về PC, NL và sự tiến bộ của HS.

Trong dạy học Lịch sử cấp THPT, đánh giá kết quả học tập của HS là hoạt động xem xét, so sánh mức độ đạt được của mỗi HS theo yêu cầu cần đạt của môn học đã đề ra, trên cơ sở đó, tìm ra giải pháp để đánh thức tiềm năng và khắc phục những hạn chế trong quá trình học tập của HS. Đánh giá là một bộ phận hợp thành quan trọng của quá trình dạy học môn Lịch sử, có vai trò thu thập các thông tin về chất lượng học tập, phân loại HS, đồng thời tạo cơ sở để điều chỉnh việc dạy học, thúc đẩy quá trình học tập của HS. Mục đích của đánh giá trong môn Lịch là nhằm vào sự tiến bộ trong học tập của HS.

b) Một số gợi ý về hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá PC, NL

Trong tài liệu đã bàn đến hai hình thức kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển PC và NL của HS phù hợp với thực tiễn giáo dục Việt Nam hiện nay là ĐGTX (đánh giá quá trình) và ĐGĐK (đánh giá kết quả). GV sẽ lựa chọn các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích, thời điểm và yêu cầu của từng hình thức đánh giá; Mỗi phương pháp cũng sẽ có những công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp (các công cụ này sẽ được trình bày cụ thể ở nội dung 3 của tài liệu). Mối quan hệ giữa hình thức, phương pháp và công cụ kiểm tra, đánh giá được thể hiện như sau:

Bảng: Mối quan hệ giữa hình thức, phương pháp và công cụ đánh giá

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
ĐGTX/ Đánh giá quá trình (<i>Đánh giá vì học tập; Đánh giá là học tập</i>)	Phương pháp hỏi – đáp.	Câu hỏi, bảng hỏi
	Phương pháp quan sát	Ghi chép các sự kiện thường nhật, thang đo, bảng kiểm, rubric
	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập	Bảng quan sát, câu hỏi vấn đáp, phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics,...)
	Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	Bảng kiểm, thang đánh giá, phiếu đánh giá theo tiêu chí (Rubrics,...)
	Phương pháp kiểm tra viết	KWLH, câu trả lời ngắn, thẻ kiểm tra,...
ĐGĐK/ Đánh giá tổng kết (<i>Đánh giá kết quả học tập</i>)	Phương pháp kiểm tra viết	Bài kiểm tra (câu hỏi tự luận, câu hỏi trắc nghiệm), bài luận, bảng kiểm, phiếu đánh giá theo tiêu chí, thang đo
	Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập	
	Phương pháp đánh giá qua sản phẩm học tập	

4. Giới thiệu chung về hệ thống tài liệu tham khảo hỗ trợ

- Sách giáo viên.
- Sách bài tập.
- Sách bổ trợ và sách tham khảo thiết yếu của môn học.
- Thiết bị dạy học bộ môn: Bộ TBDH Cánh Diều và hướng dẫn cách khai thác trong dạy học.
- Nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử (SGK phiên bản điện tử, video minh hoạ tiết học, bài tập tương tác phục vụ kiểm tra, đánh giá,...).

B. KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HOẠ

Bài 11. HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TỰU CỦA VĂN MINH ĐÔNG NAM Á THỜI KÌ CỔ – TRUNG ĐẠI (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

GV giúp HS đạt được những yêu cầu sau:

1. Năng lực

- Năng lực tìm hiểu lịch sử thông qua việc sưu tầm, khai thác và sử dụng tư liệu, tranh ảnh, lược đồ,... để tìm hiểu và nêu được một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại.
- Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á thời kì cổ - trung đại.
- Năng lực tự chủ, tự học thông qua việc đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát huy giá trị của các thành tựu văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc sưu tầm và sử dụng một số tư liệu để tìm hiểu về lịch sử văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại, biết trân trọng giá trị trường tồn của các di sản văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại, tham gia bảo tồn các di sản văn minh ở Đông Nam Á nói chung và ở Việt Nam nói riêng.

2. Phẩm chất

– Phát triển phẩm chất yêu nước thông qua việc tìm hiểu các cơ sở tự nhiên, tộc người, xã hội...; trân trọng sự đa dạng và phong phú của văn minh Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam.

– Phát triển phẩm chất trách nhiệm thông qua việc hoàn thành nhiệm vụ khi tham gia hoạt động nhóm để tìm hiểu về cơ sở hình thành văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại; phát triển trách nhiệm của công dân trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn minh Đông Nam Á.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– Tư liệu, tranh ảnh có liên quan đến bài học.

– Máy tính, máy chiếu, video clip (nếu có), phiếu học tập,...

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

– Bài học cần được tổ chức theo chuỗi các hoạt động, tăng cường phối hợp các hoạt động học tập cá nhân/ nhóm/ toàn lớp trong quá trình dạy học.

– Bài học được dự kiến dạy trong 3 tiết (đây là bài soạn minh hoạ tiết 2), được tổ chức theo chuỗi các hoạt động để HS đạt được mục tiêu.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Mở đầu

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế cho HS, giúp HS ý thức được nhiệm vụ học tập, hứng thú học bài mới.

b) Cách thức tổ chức: GV có thể cho HS làm việc theo nhóm, tham gia trò chơi: “Ai nhanh hơn?”. HS tìm tên quốc gia tương ứng với các bức ảnh tôn giáo đặc trưng, ví dụ (Thái Lan – Phật giáo, In-đô-nê-xi-a – Hồi giáo), HS tham gia trò chơi, ghi kết quả vào giấy/ bảng. GV chọn 1-2 nhóm hoàn thành nhiệm vụ sớm nhất lên bảng trình bày kết quả, yêu cầu nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến. GV chiếu kết quả lên bảng, đối chiếu với câu trả lời của HS và đặt câu hỏi cho các nhóm: *Em hãy giới thiệu về một số tôn giáo ở Đông Nam Á mà em biết?* HS trả lời, GV nhận xét và dẫn vào bài mới.

2. Hình thành kiến thức mới

2.2. Một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á thời kì cổ – trung đại

2.2.1. Tín ngưỡng và tôn giáo

a) *Mục tiêu:* Nêu được các hình thức tín ngưỡng dân gian và các tôn giáo phổ biến ở Đông Nam Á.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc theo nhóm, yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình 11.5, 11.6 để hoàn thành phiếu học tập theo mẫu dưới đây.

Phiếu học tập

Nhóm Nội dung	Tên nhóm: 	
NHIỆM VỤ	Tìm hiểu về thành tựu văn minh ở Đông Nam Á qua các nhiệm vụ sau: – <i>Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tín ngưỡng dân gian của cư dân Đông Nam Á?</i> – <i>Nhiệm vụ 2: Kể tên những tôn giáo phổ biến của các quốc gia Đông Nam Á. Vì sao các tôn giáo này lại được đông đảo cư dân Đông Nam Á đón nhận?</i>	
BÁO CÁO	NHIỆM VỤ 1 	NHIỆM VỤ 2

GV hướng dẫn HS khai thác hình 11.5 kết hợp với mục *Em có biết?* để thấy được tín ngưỡng dân gian quan niệm mọi vật đều có linh hồn.

Sau đó, GV mời đại diện nhóm HS trình bày, dựa vào sản phẩm đã hoàn thành, thuyết trình về tín ngưỡng dân gian ở Đông Nam Á.

Các nhóm còn lại nhận xét theo kỹ thuật 3-2-1. GV nhận xét, chốt ý: Trong các hình thái tín ngưỡng dân gian, thờ cúng tổ tiên là loại hình tồn tại phổ biến và lâu bền nhất. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên tồn tại dưới nhiều hình thức như thờ những người đã chết có quan hệ huyết thống; thờ người đã sinh ra cộng đồng (theo thần thoại, truyền thuyết); thờ anh hùng dân tộc, người sáng lập bộ tộc; thờ Thành hoàng làng,... Dù ở hình thức nào, thờ cúng tổ tiên cũng lấy đối tượng thờ là linh hồn người đã mất. Đó được coi là sợi dây nối liền quá khứ – hiện tại – tương lai tạo nên một truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Vì vậy, con cháu thờ phụng tổ tiên không

chỉ để tỏ lòng tri ân, thương nhớ người đã khuất mà còn là sự mong muốn tổ tiên tham gia và phù trợ cho mình trong mọi công việc.

GV đặt câu hỏi: *Nêu đặc điểm của tín ngưỡng Đông Nam Á?* GV mời nhóm nào phát cờ nhanh nhất trả lời, các nhóm còn lại nghe, bổ sung, nhận xét.

GV nhận xét, chốt ý: Đặc điểm của tín ngưỡng Đông Nam Á: các hình thức tín ngưỡng chịu ảnh hưởng sâu sắc của điều kiện tự nhiên và nền tảng kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước; tín ngưỡng được hình thành trên cơ sở của thuyết “vạn vật hữu linh”; tồn tại lâu dài và dung hoà với các tôn giáo; thống nhất trong đa dạng.

GV mời đại diện nhóm tiếp theo trình bày, dựa vào sản phẩm đã hoàn thành, thuyết trình về tôn giáo ở Đông Nam Á.

GV sử dụng kĩ thuật phòng tranh: yêu cầu HS chuẩn bị các bức tranh về tôn giáo, treo lên tường, sau đó đại diện nhóm sẽ lên thuyết trình bằng việc chỉ vào từng bức tranh đang treo. Nội dung các bức tranh treo tường về: con đường truyền bá; Phật giáo; Thiên Chúa giáo; Hin-đu giáo; Hồi giáo; các công trình kiến trúc của Việt Nam chịu ảnh hưởng của Phật giáo (chùa Tây Phương, Hà Nội), Thiên Chúa giáo (nhà thờ đá Phát Diệm - Ninh Bình), Hin-đu giáo (Thánh địa Mỹ Sơn – Quảng Nam),...

GV hướng dẫn HS khai thác hình 11.6 để thấy được đây là công trình kiến trúc của Hồi giáo: quan sát kiến trúc của thánh đường, rút ra những nhận xét về công trình này,... (Thánh đường Hồi giáo Bai-tu-ra-man là biểu tượng cho nền văn hoá Hồi giáo của A-chê. Nhà thờ này nổi bật với thiết kế màu đen lấp lánh với ý nghĩa luôn kiên định chống lại bất cứ khó khăn nào từ thiên nhiên,...).

Đại diện nhóm HS trả lời, nhóm khác bổ sung, nhận xét.

Sau đó, GV đặt câu hỏi: *Hãy cho biết vì sao Phật giáo, Hin-đu giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo,... lại được đông đảo cư dân Đông Nam Á đón nhận?*

Đại diện nhóm HS trả lời, nhóm khác bổ sung, nhận xét.

GV chốt ý, cho điểm: Đông Nam Á là bức tranh đa màu sắc về tôn giáo bởi trong quá trình phát triển của lịch sử đã hội tụ đủ các ý thức hệ tư tưởng của cả phương Đông lẫn phương Tây,... Các tôn giáo được đông đảo cư dân Đông Nam Á đón nhận vì có sự tương đồng, gần gũi trong nội dung của các tôn giáo này với tín ngưỡng và đời sống tinh thần của cư dân bản địa,...

2.2.2. Văn tự và văn học

a) *Mục tiêu:* Nêu được thành tựu về văn tự và văn học ở Đông Nam Á.

b) *Tổ chức thực hiện:* GV có thể cho HS làm việc cá nhân, đọc thông tin và quan sát hình 11.7 để trả lời các câu hỏi sau:

Hãy nêu những thành tựu về văn tự ở Đông Nam Á.

GV hướng dẫn HS khai thác hình 11.7 để nêu được thành tựu quan trọng của văn tự Đông Nam Á: trên cơ sở tiếp thu văn tự nước ngoài, cư dân Đông Nam Á đã sáng tạo ra văn tự của riêng mình, đồng thời thể hiện sự tiếp thu một cách sáng tạo các ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Hoa.

GV mời đại diện một số HS trình bày, một số HS khác nhận xét, bổ sung.

GV nhận xét chốt ý: Cư dân Đông Nam Á đã sáng tạo ra chữ viết riêng, như chữ viết của người Chăm, người Khơ-me, người Thái, người Môn, người Mã Lai..., Riêng người Việt tiếp thu một phần hệ thống chữ Hán của Trung Hoa và sáng tạo ra chữ Nôm. Chữ Hán và chữ Nôm được sử dụng rộng rãi trong một thời gian dài trước khi chữ Quốc ngữ ra đời ở Việt Nam.

GV có thể mở rộng: Đặc điểm cơ bản của văn tự Đông Nam Á là chịu ảnh hưởng của văn tự nước ngoài; thường ra đời muộn hơn thời điểm xuất hiện các nhà nước; thống nhất trong đa dạng.

3. Luyện tập và vận dụng

a) *Mục tiêu*

- Củng cố kiến thức đã học.
- Liên hệ, vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

b) *Tổ chức thực hiện:*

– Luyện tập (câu 2)

+ GV tổ chức HS làm việc nhóm, tham gia trò chơi “Mảnh ghép văn hoá”.

. Các nhóm đều có những bức tranh giống nhau, số lượng bằng nhau.

. Yêu cầu các nhóm ghép các bức tranh theo đúng chủ đề để trở thành bức tranh hoàn chỉnh phản ánh những nét tiêu biểu của văn minh Đông Nam Á.

GV chuẩn bị sẵn giấy A0, vẽ sơ đồ tư duy hình cây (tham khảo mẫu), chia ra các nhánh (gồm tín ngưỡng, tôn giáo, văn tự); GV chuẩn bị 12 bức tranh (trong đó có 10 bức tranh đúng chủ đề, 2 bức tranh không đúng chủ đề) các nhóm sẽ ghép

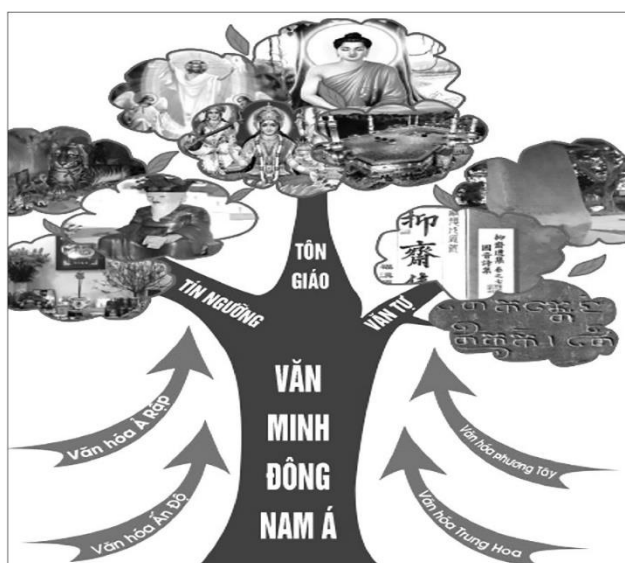
tranh tương ứng với các nội dung đã có sẵn trên giấy. Ví dụ: ghép hình ảnh Phật giáo vào lĩnh vực tôn giáo, ghép hình ảnh thờ cúng tổ tiên vào lĩnh vực tín ngưỡng,...

+ HS thực hiện nhiệm vụ. Trong quá trình HS làm việc, GV chú ý đến các HS để có thể gợi ý hoặc trợ giúp khi các em gặp khó khăn.

– GV yêu cầu các nhóm trưởng chấm chéo nhau (nhóm 1 chấm cho nhóm 2, nhóm 2 chấm cho nhóm 3, nhóm 3 chấm cho nhóm 1) rồi sau đó thống kê số lượng mảnh ghép đúng.

– GV công bố kết quả cuộc thi, nhận xét, bổ sung, chốt ý.

Gợi ý sản phẩm: Sản phẩm là một sơ đồ tư duy hình cây như ở dưới.



– Vận dụng (câu 3): GV cho HS làm việc ở nhà, tìm hiểu các công trình kiến trúc, điêu khắc ở Đông Nam Á thông qua một số gợi ý: tên công trình, thời gian xây dựng, thuộc dòng kiến trúc nào (dựa vào mục đích xây dựng của công trình để phân dòng như: nhà ở, công trình phục vụ sản xuất hay công trình tôn giáo để thờ tự hoặc công trình phục vụ cung đình), giá trị còn tồn tại đến ngày nay,... (Ví dụ: Đền Ăng-co, Cố đô A-giút-thay-a, Quần thể di tích Cố đô Huế,...). HS làm việc ở nhà và giới thiệu vào đầu giờ học tiếp theo.

C. GỢI Ý BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

Thời gian: 45 PHÚT

I. MỤC TIÊU

- Nhằm đánh giá kết quả học tập của HS sau một giai đoạn học tập (giữa kì I), xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS so với yêu cầu cần đạt quy định trong Chương trình GDPT môn Lịch Sử, lớp 10.
- Kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của HS để động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của HS để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của HS; góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục.

II. ĐẶC TẢ MA TRẬN

Đặc tả ma trận đề kiểm tra giữa kì I – Lịch sử 10

Mức độ Nội dung	Yêu cầu về nhận thức			
	Mức 1 (Biết)	Mức 2 (Hiểu)	Mức 3 (Vận dụng thấp)	Mức 4 (Vận dụng cao)
1. Lịch sử lịch sử và nhận thức lịch sử.	Nêu được khái niệm lịch sử.	Phân biệt được hiện thực lịch sử và nhận thức lịch sử.		
Số câu : 2 Số điểm: 1 Tỉ lệ: 10%	TN: 01 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%	TN: 01 Số điểm: 0,5 Tỉ lệ: 5%		
2. Tri thức lịch sử và cuộc sống			Giải thích được vì sao phải học tập lịch sử suốt đời.	

<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 2</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>			<i>TL: 01</i> <i>(2,0 điểm)</i> <i>20%</i>	
3. Sử học với các lĩnh vực khoa học khác	Nêu được mối liên hệ giữa Sử học với các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác.			
<i>Số câu: 02</i> <i>Số điểm: 1,0</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>	TN: 2 Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%			
4. Sử học với một số ngành nghề hiện đại		Trình bày được vai trò của Sử học. Trình bày được mối quan hệ giữa Sử học với du lịch.		
<i>Số câu: 2</i> <i>Số điểm: 1.0</i> <i>Tỉ lệ: 10%</i>		TN: 2 Số điểm: 1,0 Tỉ lệ: 10%		
5. Khái niệm văn minh		Phân biệt được khái niệm văn hoá và văn minh. So sánh được văn minh Trung Hoa và Ấn Độ	Giải thích được khái niệm văn minh.	Liên hệ được các nền văn minh trên đất

		thời kì cổ –trung đại		nước Việt Nam.
<i>Số câu: 5</i> <i>Số điểm: 4,5</i> <i>Tỉ lệ: 45%</i>		TN: 3 Số điểm: 1,5 Tỉ lệ: 15%	<i>TL: 01</i> Số điểm: 1.0 Tỉ lệ: 10%	<i>TL: 01</i> Số điểm: 2.0 Tỉ lệ: 20%
6. Một số nền văn minh phương Đông	Trình bày được ý nghĩa nền văn minh Ai Cập cổ đại			
<i>Số câu: 1</i> <i>Số điểm: 0.5</i> <i>Tỉ lệ: 5%</i>	TN: 01			
Tổng số câu: 13 Tổng số điểm: 10,0 Tỉ lệ: 100%	<i>Số câu TN: 4</i> <i>– TL: 0</i> <i>Số điểm: 2.0</i> <i>Tỉ lệ: 20%</i>	<i>Số câu: TN: 6 -</i> <i>TL: 0</i> <i>Số điểm: 3,0</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu:</i> <i>TN: 0 – TL:</i> <i>2</i> <i>Số điểm:</i> <i>4,0</i> <i>Tỉ lệ: 30%</i>	<i>Số câu:</i> <i>TN: 0 –</i> <i>TL: 1</i> <i>Số điểm:</i> <i>1,0</i> <i>Tỉ lệ:</i> <i>20%</i>

III. GỢI Ý ĐỀ KIỂM TRA

Trường:

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I

LỊCH SỬ 10

(Thời gian: 45 phút)

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm)

Hãy khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Khái niệm lịch sử không bao hàm nội dung nào sau đây?

- A. Là những gì đã diễn ra trong quá khứ của xã hội loài người.
- B. Là những câu chuyện về quá khứ hoặc tác phẩm ghi chép về quá khứ.
- C. Là sự tưởng tượng của con người liên quan đến sự việc sắp diễn ra.
- D. Là một khoa học nghiên cứu về quá khứ của con người.

Câu 2. Những hiểu biết của con người về các lĩnh vực liên quan đến lịch sử, thông qua quá trình học tập, khám phá, nghiên cứu và trải nghiệm được gọi là

- A. tri thức lịch sử.
- B. hiện thực lịch sử.
- C. tiến trình lịch sử.
- D. phương pháp lịch sử.

Câu 3. Sử học có mối liên hệ đặc biệt gần gũi với các ngành khoa học xã hội và nhân văn nào sau đây?

- A. Tâm lí học, Ngôn ngữ học, Nhân học, Khoa học chính trị.
- B. Triết học, Địa lí nhân văn, Văn hoá học, Công tác xã hội.
- C. Chính trị học, Tâm lí học, Ngôn ngữ học, Xã hội học.
- D. Khảo cổ học, Nhân học, Văn học, Địa lí nhân văn, Triết học.

Câu 4. Lĩnh vực nào sau đây hỗ trợ hiệu quả cho Sử học trong việc tìm kiếm dấu vết của những nền văn minh cổ xưa thông qua quan sát từ không gian?

- A. Thực tại ảo.
- B. Công nghệ viễn thám.
- C. Sinh học.
- D. Trí tuệ nhân tạo.

Câu 5. Việc Sử học cung cấp những thông tin có giá trị và tin cậy liên quan đến di sản văn hoá, di sản thiên nhiên có vai trò gì?

- A. Là cơ sở cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị của di sản.
- B. Định hướng cho việc xây dựng lại di sản.
- C. Là nền tảng quyết định cho việc quản lí di sản ở các cấp.
- D. Là cơ sở cho việc đào tạo hướng dẫn viên.

Câu 6. Sự phát triển của du lịch sẽ góp phần

- A. định hướng sự phát triển của Sử học trong tương lai.
- B. xác định chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử.
- C. cung cấp bài học kinh nghiệm cho các nhà sử học.
- D. quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng ra bên ngoài.

Câu 7. Những yếu tố cơ bản nào có thể giúp xác định một nền văn hoá bước sang thời kì văn minh?

- A. Có chữ viết, nhà nước ra đời.
- B. Có con người xuất hiện.
- C. Có công cụ lao động bằng sắt xuất hiện.
- D. Xây dựng các công trình kiến trúc.

Câu 8. Những nền văn minh nào sau đây phát triển liên tục từ thời kì cổ đại đến thời kì trung đại?

- A. Văn minh Ai Cập và văn minh thời Phục hưng.
- B. Văn minh Hy Lạp và văn minh La Mã.
- C. Văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa.
- D. Văn minh Ai Cập và văn minh Ấn Độ.

Câu 9. Điểm chung của văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa là gì?

- A. đều phát triển ở thời kì cổ đại và trung đại.
- B. Chỉ phát triển ở thời kì cổ đại.
- C. Chỉ phát triển ở thời kì trung đại.
- D. đều hình thành vào thế kỉ I TCN.

Câu 10. Một trong những ý nghĩa của chữ viết Ai Cập thời kì cổ đại là

- A. phản ánh trình độ tư duy cao của cư dân Ai Cập.
- B. cơ sở của chữ tượng hình sau này.

C. cơ sở để cư dân Ai Cập giỏi về hình học.

D. biểu hiện cao của tính chuyên chế.

PHẦN 2. TỰ LUẬN (5 điểm)

Câu 1 (1.0 điểm): Hãy giải thích khái niệm văn minh.

Câu 2 (2.0 điểm): Hãy giải thích vì sao phải học tập lịch sử suốt đời. Cho ví dụ cụ thể.

Câu 3 (2.0 điểm): Văn minh Văn Lang – Âu Lạc, văn minh Đại Việt ở Việt Nam thuộc giai đoạn nào của lịch sử văn minh thế giới? Vì sao?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

I. Trắc nghiệm (5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	D	B	B	A	D	A	C	A	A

II. Tự luận (5 điểm)

Câu	Ý	Nội dung	Biểu điểm
1 (1.0 điểm)		– Văn minh là trạng thái tiến bộ về cả vật chất và tinh thần của xã hội loài người, tức là trạng thái phát triển cao của nền văn hoá.	0,5
		– Văn minh còn có nghĩa là đã thoát khỏi thời kì nguyên thủy. Trái với văn minh là trạng thái “dã man”.	0,5
2 (2.0 điểm)		– Tri thức lịch sử rất rộng lớn và đa dạng. Muốn hiểu đầy đủ và đúng đắn về lịch sử cần có một quá trình lâu dài.	0,5
		– Tri thức lịch sử biến đổi và phát triển không ngừng,... Do vậy, những nhận thức về lịch sử có thể sẽ thay đổi.	0,5

		– Sẽ giúp mỗi người mở rộng và cập nhật vốn kiến thức, hoàn thiện và phát triển kỹ năng,... tạo ra những cơ hội mới trong cuộc sống và nghề nghiệp. – Ví dụ: Cuộc thi “<i>Tìm hiểu về ASEAN</i>”. Đây là sân chơi dành cho học sinh cấp Trung học phổ thông, nhằm nâng cao sự hiểu biết về đất nước và con người của các nước thành viên ASEAN.	0,5 0,5
3 (2.0 điểm)		– Văn minh Văn Lang – Âu Lạc thuộc văn minh thời kì cổ đại của lịch sử văn minh thế giới vì đây là nền văn minh đầu tiên của Việt Nam, kể cả thời gian và những biểu hiện của nền văn minh này tương đồng với các nền văn minh phương Đông thời kì cổ đại. – Văn minh Đại Việt thuộc văn minh thời kì trung đại của lịch sử văn minh thế giới vì đây là nền văn minh có những biểu hiện tương đồng về thời gian, thành tựu với các nền văn minh phương Đông thời kì trung đại.	1.0 1.0

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2022

TM TẬP THỂ TÁC GIẢ

CHỦ BIÊN

NGUYỄN VĂN NINH